



ALPHA ELEVATOR

# CÔNG TY TNHH VIỆT NAM **ALPHA INVEST**

📍 Trụ sở: 103 Định Công Thượng, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Cơ sở 2: 342 đường Quang Trung, P. Dữu Lâu, TP. Việt Trì, T. Phú Thọ

Cơ sở 3: 39 Lương Ngọc Quyến, P. Trần Quang Khải, TP. Nam Định, T. Nam Định

☎ 0945 471 096 - 0327 922 258

✉ alphainvest.duan@gmail.com



CP-02

CP-03



# MỤC LỤC

|                                    |    |
|------------------------------------|----|
| Giới thiệu                         | 04 |
| Các dịch vụ của chúng tôi          | 05 |
| Các sản phẩm của chúng tôi         | 06 |
| Mẫu cabin                          | 11 |
| Mẫu trần                           | 18 |
| Mẫu sàn đá                         | 20 |
| Mẫu sàn đá, tay vịn lựa chọn       | 21 |
| Mẫu bảng gọi tầng, tay vịn         | 22 |
| Mẫu bảng gọi tầng                  | 23 |
| Mẫu vách cabin                     | 24 |
| Các mẫu cửa tầng                   | 25 |
| Các mẫu cửa hoa văn                | 26 |
| Các sản phẩm                       | 27 |
| Các mẫu cửa kính                   | 28 |
| Thang cuốn - thang lồng kính       | 29 |
| Thang máy quan sát                 | 30 |
| Thang máy chở hàng (có phòng máy)  | 31 |
| Thang tải thực phẩm                | 32 |
| Thang cuốn                         | 33 |
| Thang máy bệnh viện (có phòng máy) | 34 |
| Thang máy chở ô tô (có phòng máy)  | 35 |
| Tủ điều khiển nhập khẩu            | 36 |
| Động cơ nhập khẩu                  | 38 |
| Chức năng thang máy                | 40 |

## GIỚI THIỆU

**Công Ty TNHH Việt Nam ALPHA INVEST** là doanh nghiệp chuyên cung cấp, lắp đặt, vận hành, bảo hành, bảo trì thang máy gia đình, thang homelift, thang bệnh viện, thang ô tô, thang thủy lực, thang cuốn, thang thực phẩm, thang tải hàng và các loại thang máy khác trên thị trường. Với đội ngũ cán bộ công nhân kỹ thuật viên có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm. Công ty ngày càng khẳng định được vị thế trong thị trường thang máy Việt Nam.

Được thành lập với nòng cốt là các kỹ sư và đội ngũ kỹ thuật từ các Công ty đầu tiên sản xuất và lắp đặt thang máy Việt Nam. Với đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên và công nhân lành nghề, nhiệt tình, đã được đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực kỹ thuật thang máy nói chung và có nhiều kinh nghiệm ở các công ty thang máy có tên tuổi ở trong nước và nước ngoài. Chúng tôi luôn cố gắng cung cấp cho khách hàng dịch vụ kỹ thuật chất lượng cao nhất. **Công Ty TNHH Việt Nam ALPHA INVEST** tồn tại, phát triển, khẳng định vị thế riêng biệt của mình nhờ sự lựa chọn khắt khe và kết hợp ba yếu tố:

### “CON NGƯỜI - SẢN PHẨM - DỊCH VỤ”

**Con người:** Chúng tôi hoạt động và phát triển lấy tiêu chí con người làm nòng cốt. “Một sản phẩm tốt được hình thành từ những con người tốt” và ngược lại. Bởi vậy sự phát triển song song của công ty luôn đi theo sự phát triển của từng con người trong mỗi bộ phận của công ty.

**Sản Phẩm:** Những sản phẩm của chúng tôi cung cấp được coi như là những đứa con được sinh ra trong một gia đình, chúng tôi có trách nhiệm và nhiệm vụ làm sao để cho chúng trở nên xuất sắc và hoàn thiện nhất.

**Dịch vụ:** Trên thị trường cạnh tranh khốc liệt chúng tôi hiểu rằng nếu dịch vụ của chúng tôi không tốt chúng tôi sẽ bị đào thải.

Trân trọng cảm ơn Quý khách Hàng!

## CÁC DỊCH VỤ CỦA CHÚNG TÔI

**Khảo sát và báo giá:** Do với sản phẩm đặc thù như thang máy, thang cuốn, mỗi khách hàng, mỗi công trình là một yêu cầu khác nhau với chúng tôi theo dõi từ đầu đến cuối một cách nhanh chóng, chính xác, tin cậy. Chúng tôi sẽ tiếp thu yêu cầu của khách hàng, phân tích và tư vấn những giải pháp tối ưu nhất cho từng công trình từ khi lên bản vẽ cho tới khi đi vào thi công lắp đặt.

**Tư vấn và thiết kế:** Chúng tôi luôn chú trọng tới việc làm hài lòng khách hàng thông qua dịch vụ tư vấn thiết kế và cung cấp giải pháp toàn diện hiệu quả. Đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm của công ty sẽ tư vấn từng công trình đảm bảo khai thác tối đa công năng sử dụng mà vẫn mang tính thẩm mỹ cao, hài hoà với kiến trúc nội thất tổng thể của ngôi nhà.

**Thi công và lắp đặt:** “An toàn - Chất lượng - Tiến độ - Chi phí”

Đây là bốn tiêu chí đánh giá hiệu quả của công tác thi công lắp đặt do chúng tôi cung cấp giúp quý khách hàng đưa ra lựa chọn dễ dàng để ra nhằm cải thiện và hoàn thiện chất lượng công trình.

**Bảo hành - Bảo trì:**

- Định kỳ 02 tháng/lần: Kỹ thuật viên đến kiểm tra các chức năng của thang máy, vệ sinh thang và tra thêm dầu nhớt đảm bảo thang vận hành trơn tru, êm ái. Điều này giúp phát hiện kịp thời rủi ro và tình trạng thiết bị để nhanh chóng có biện pháp khắc phục, giảm thiểu sự cố.

- Khi phát hiện phụ tùng cần thay thế, chúng tôi khuyến cáo khách hàng sử dụng sản phẩm chính hãng để đạt được mức độ tương thích và đáp ứng cao nhất trong vận hành và đảm bảo chất lượng cho tất cả thiết bị trong hệ thống.

- Đảm bảo an toàn và chất lượng vượt trội: Cung cấp dịch vụ bảo trì Nhanh chóng, chuyên nghiệp và tận tâm từ đội ngũ kỹ thuật viên được đào tạo bài bản và kinh nghiệm lâu năm. Giải quyết những khiếu nại của khách hàng trong quá trình sử dụng.

# CÁC SẢN PHẨM CỦA CHÚNG TÔI



Thang  
tải khách



Thang  
Homelift



Thang  
quan sát



Thang  
bệnh viện



Thang  
cuốn



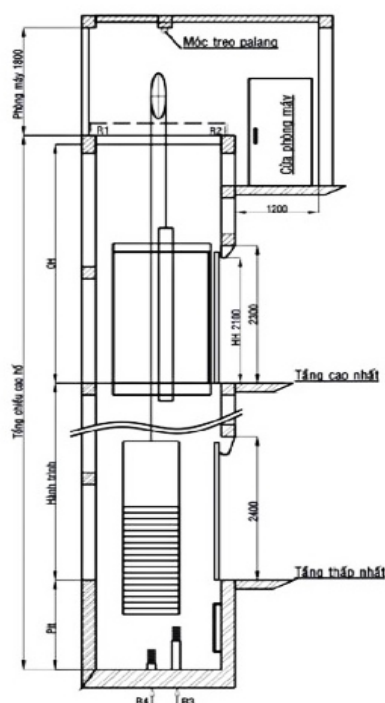
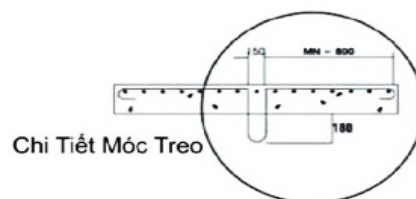
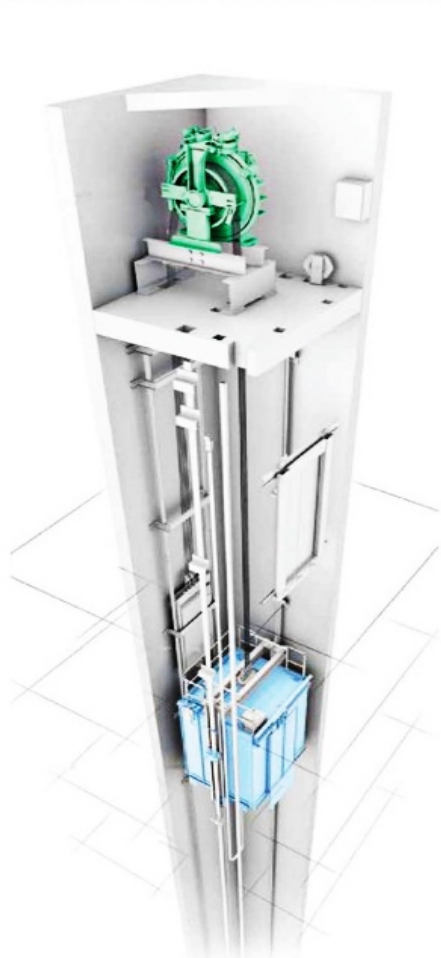
Thang  
tải hàng

SẢN PHẨM  
CUNG CẤP

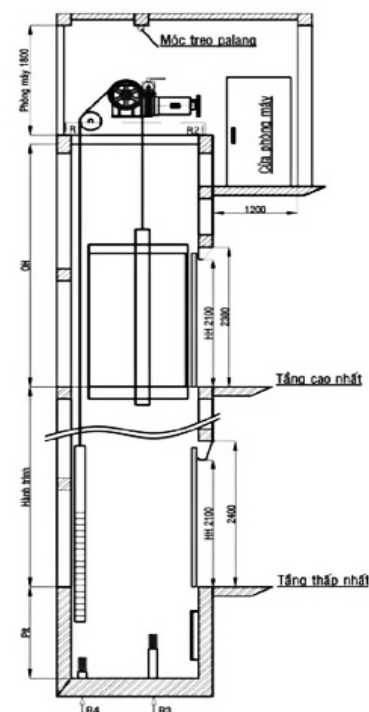
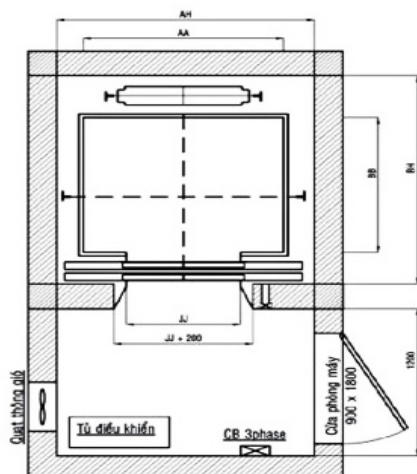
# CÁC SẢN PHẨM CỦA CHÚNG TÔI

## \* HỆ THỐNG THANG TẢI KHÁCH LOẠI CÓ PHÒNG MÁY

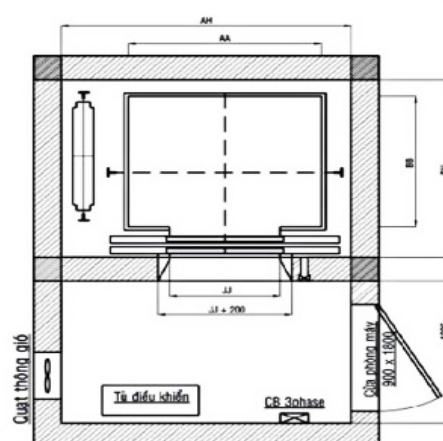
SƠ ĐỒ THANG TẢI KHÁCH CÓ PHÒNG MÁY



THANG TẢI KHÁCH DỜI TRỌNG PHÍA SAU



THANG TẢI KHÁCH DỜI TRỌNG BÊN HỒNG



CÁC SẢN PHẨM CỦA CHÚNG TÔI

\* BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT  
THANG TẢI KHÁCH CÓ PHÒNG MÁY  
ĐỐI TRỌNG ĐẶT PHÍA SAU

| MÃ HIỆU | TẢI TRỌNG | NGƯỜI | TỐC ĐỘ | KÍCH THƯỚC |               |                  |           |
|---------|-----------|-------|--------|------------|---------------|------------------|-----------|
|         | Kg        |       | m/phút | Cửa mở JJ  | Cabin AA x BB | Hồ thang AH x BH | OH/Pit    |
| P4      | 300       | 4     | 60     | 700        | 1000 X 900    | 1500 X 1500      | 4000/1400 |
|         |           |       | 90     |            | 1100 X 1000   | 1500 X 1600      | 4200/1500 |
| P6      | 450       | 6     | 60     | 700        | 1200 X 1000   | 1600 X 1600      | 4000/1400 |
|         |           |       |        | 750        | 1300 X 1000   | 1700 X 1600      |           |
|         |           |       | 90     | 800        | 1400 X 900    | 1800 X 1500      | 4200/1500 |
|         |           |       |        |            | 1400 X 1000   | 1800 X 1600      |           |
| P8      | 600       | 8     | 60     | 800        | 1400 X 1100   | 1800 X 1700      | 4200/1500 |
|         |           |       | 90     | 850        | 1400 X 1200   | 1800 X 1800      | 4500/1500 |
|         |           |       |        | 900        | 1400 X 1300   | 1900 X 1900      |           |
| P10     | 750       | 10    | 60     | 800        | 1400 X 1100   | 1800 X 1700      | 4200/1500 |
|         |           |       | 90     | 850        | 1400 X 1200   | 1800 X 1800      | 4500/1600 |
|         |           |       |        | 900        | 1400 X 1350   | 1900 X 2000      |           |
| P15     | 1000      | 15    | 60     | 900        | 1600 X 1500   | 2000 X 2100      | 4200/1500 |
|         |           |       | 90     | 950        | 1700 X 1600   | 2100 X 2200      | 4500/1600 |
|         |           |       |        | 1000       | 1800 X 1700   | 2200 X 2400      |           |
| P20     | 1500      | 20    | 60     | 1000       | 1800 X 1800   | 2300 X 2500      | 4300/1600 |
|         |           |       | 90     | 1100       | 1900 X 1900   | 2400 X 2600      | 4500/1600 |
|         |           |       |        | 1200       | 2000 X 2000   | 2500 X 2700      |           |

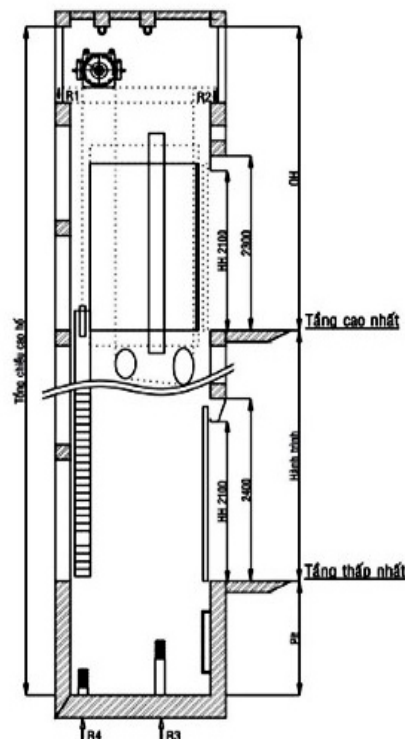
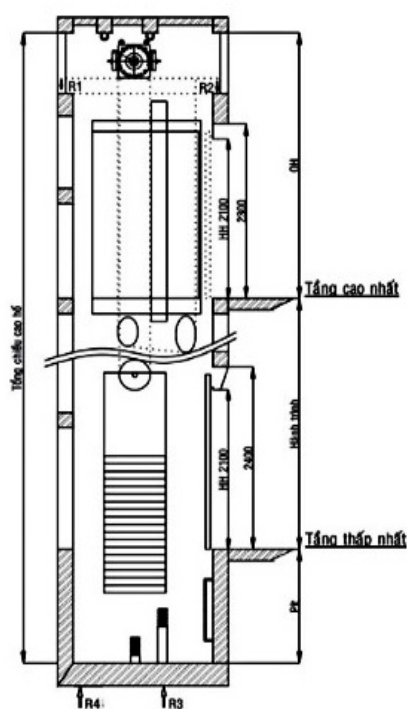
ĐỐI TRỌNG ĐẶT BÊN HÔNG

| MÃ HIỆU | TẢI TRỌNG | NGƯỜI | TỐC ĐỘ | KÍCH THƯỚC |               |                  |           |
|---------|-----------|-------|--------|------------|---------------|------------------|-----------|
|         | Kg        |       | m/phút | Cửa mở JJ  | Cabin AA x BB | Hồ thang AH x BH | OH/Pit    |
| P4      | 300       | 4     | 60     | 700        | 1000 X 900    | 1800 x 1250      | 4000/1400 |
|         |           |       | 90     |            | 1100 X 1000   | 1800 x 1350      | 4200/1500 |
| P6      | 450       | 6     | 60     | 700        | 1200 X 1000   | 1900 x 1350      | 4000/1400 |
|         |           |       |        | 750        | 1300 X 1000   | 2000 x 1350      |           |
|         |           |       | 90     | 800        | 1400 X 900    | 2100 x 1250      | 4200/1500 |
|         |           |       |        |            | 1400 X 1000   | 2100 x 1350      |           |
| P8      | 600       | 8     | 60     | 800        | 1400 X 1100   | 2100 x 1450      | 4200/1500 |
|         |           |       | 90     | 850        | 1400 X 1200   | 2100 x 1550      | 4500/1500 |
|         |           |       |        | 900        | 1400 X 1300   | 2100 x 1650      |           |
| P10     | 750       | 10    | 60     | 800        | 1400 X 1100   | 2100 x 1450      | 4200/1500 |
|         |           |       | 90     | 850        | 1400 X 1200   | 2100 x 1550      | 4500/1600 |
|         |           |       |        | 900        | 1400 X 1350   | 2100 x 1650      |           |
| P15     | 1000      | 15    | 60     | 900        | 1600 X 1500   | 2400 x 1850      | 4200/1500 |
|         |           |       | 90     | 950        | 1700 X 1600   | 2500 x 1950      | 4500/1600 |
|         |           |       |        | 1000       | 1800 X 1700   | 2600 x 2050      |           |
| P20     | 1500      | 20    | 60     | 1000       | 1800 X 1800   | 2600 x 2200      | 4300/1600 |
|         |           |       | 90     | 1100       | 1900 X 1900   | 2700 x 2300      | 4500/1600 |
|         |           |       |        | 1200       | 2000 X 2000   | 2800 x 2400      |           |

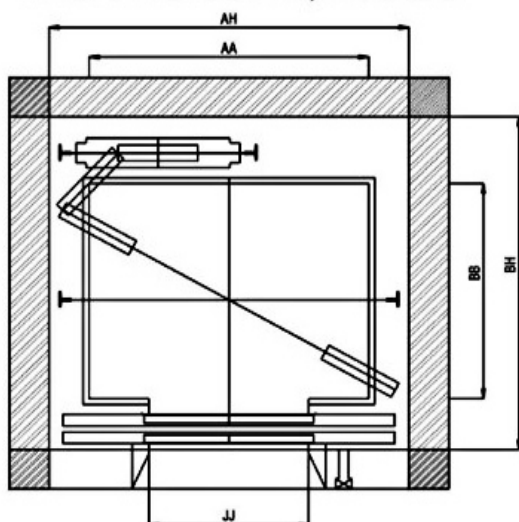
# CÁC SẢN PHẨM CỦA CHÚNG TÔI

## \* HỆ THỐNG THANG TẢI KHÁCH LOẠI KHÔNG PHÒNG MÁY

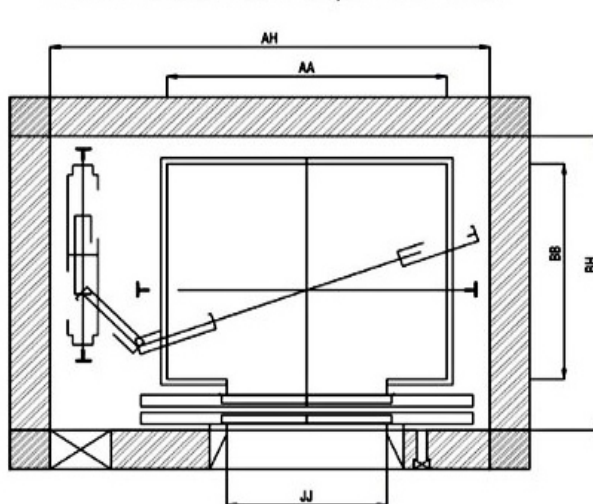
SƠ ĐỒ THANG TẢI KHÁCH KHÔNG PHÒNG MÁY



THANG TẢI KHÁCH ĐỐI TRỌNG PHÍA SAU



THANG TẢI KHÁCH ĐỐI TRỌNG BÊN HÔNG



CÁC SẢN PHẨM CỦA CHÚNG TÔI

\* **BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT**  
**THANG TẢI KHÁCH KHÔNG PHÒNG MÁY**  
ĐỐI TRỌNG ĐẶT PHÍA SAU

| MÃ HIỆU | TẢI TRỌNG | NGƯỜI | TỐC ĐỘ | KÍCH THƯỚC |               |                  |           |
|---------|-----------|-------|--------|------------|---------------|------------------|-----------|
|         | Kg        |       | m/phút | Cửa mở JJ  | Cabin AA x BB | Hồ thang AH x BH | OH/Pit    |
| P4      | 300       | 4     | 60     | 700        | 1000 X 900    | 1500 X 1500      | 3800/1400 |
|         |           |       | 90     |            | 1100 X 1000   | 1500 X 1600      | 3900/1500 |
| P6      | 450       | 6     | 60     | 700        | 1200 X 1000   | 1600 X 1600      | 3800/1400 |
|         |           |       |        | 750        | 1300 X 1000   | 1700 X 1600      |           |
|         |           |       | 90     | 800        | 1400 X 900    | 1800 X 1500      | 3900/1500 |
|         |           |       |        |            | 1400 X 1000   | 1800 X 1600      |           |
| P8      | 600       | 8     | 60     | 800        | 1400 X 1100   | 1800 X 1700      | 4000/1500 |
|         |           |       | 90     | 850        | 1400 X 1200   | 1800 X 1800      | 4200/1600 |
|         |           |       |        | 900        | 1400 X 1300   | 1900 X 1900      |           |
| P10     | 750       | 10    | 60     | 800        | 1400 X 1100   | 1800 X 1700      | 4000/1500 |
|         |           |       | 90     | 850        | 1400 X 1200   | 1800 X 1800      | 4200/1600 |
|         |           |       |        | 900        | 1400 X 1350   | 1900 X 2000      |           |
| P15     | 1000      | 15    | 60     | 900        | 1600 X 1500   | 2000 X 2100      | 4200/1500 |
|         |           |       | 90     | 950        | 1700 X 1600   | 2100 X 2200      | 4400/1600 |
|         |           |       |        | 1000       | 1800 X 1700   | 2200 X 2400      |           |
| P20     | 1500      | 20    | 60     | 1000       | 1800 X 1800   | 2300 X 2500      | 4300/1600 |
|         |           |       | 90     | 1100       | 1900 X 1900   | 2400 X 2600      | 4500/1600 |
|         |           |       |        | 1200       | 2000 X 2000   | 2500 X 2700      |           |

ĐỐI TRỌNG ĐẶT BÊN HÔNG

| MÃ HIỆU | TẢI TRỌNG | NGƯỜI | TỐC ĐỘ | KÍCH THƯỚC |               |                  |           |
|---------|-----------|-------|--------|------------|---------------|------------------|-----------|
|         | Kg        |       | m/phút | Cửa mở JJ  | Cabin AA x BB | Hồ thang AH x BH | OH/Pit    |
| P4      | 300       | 4     | 60     | 700        | 1000 X 900    | 1800 x 1250      | 3500/1400 |
|         |           |       | 90     |            | 1100 X 1000   | 1800 x 1350      | 3600/1500 |
| P6      | 450       | 6     | 60     | 700        | 1200 X 1000   | 1900 x 1350      | 3600/1400 |
|         |           |       |        | 750        | 1300 X 1000   | 2000 x 1350      |           |
|         |           |       | 90     | 800        | 1400 X 900    | 2100 x 1250      | 3700/1500 |
|         |           |       |        |            | 1400 X 1000   | 2100 x 1350      |           |
| P8      | 600       | 8     | 60     | 800        | 1400 X 1100   | 2100 x 1450      | 3700/1500 |
|         |           |       | 90     | 850        | 1400 X 1200   | 2100 x 1550      | 3900/1600 |
|         |           |       |        | 900        | 1400 X 1300   | 2100 x 1650      |           |
| P10     | 750       | 10    | 60     | 800        | 1400 X 1100   | 2100 x 1450      | 3700/1500 |
|         |           |       | 90     | 850        | 1400 X 1200   | 2100 x 1550      | 3900/1600 |
|         |           |       |        | 900        | 1400 X 1350   | 2100 x 1650      |           |
| P15     | 1000      | 15    | 60     | 900        | 1600 X 1500   | 2400 x 1850      | 3900/1500 |
|         |           |       | 90     | 950        | 1700 X 1600   | 2500 x 1950      | 4100/1600 |
|         |           |       |        | 1000       | 1800 X 1700   | 2600 x 2050      |           |
| P20     | 1500      | 20    | 60     | 1000       | 1800 X 1800   | 2600 x 2200      | 4100/1600 |
|         |           |       | 90     | 1100       | 1900 X 1900   | 2700 x 2300      | 4200/1600 |
|         |           |       |        | 1200       | 2000 X 2000   | 2800 x 2400      |           |

# MẪU CABIN



## MODEL: AP 01S

### Thiết kế cabin

Vách: Inox vân tóc, inox gương

Cửa: Inox gương

Trần: Inox gương, nhựa, đèn LED

Sàn: Đá tự nhiên

Tay vịn: Ống inox

Bảng điều khiển: Inox vân tóc, hiển thị ma trận điểm LED

*Lưu ý: để lát sàn hoa văn lựa chọn kích thước*

*Cabin tối thiểu  $\geq 1200 \times 1200$*

*Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh*



## MODEL: AP 02S

### Thiết kế cabin

Vách: Inox vân tóc, inox gương

Cửa: Inox gương

Trần: Inox gương, inox vân tóc, nhựa, đèn LED

Sàn: Đá tự nhiên

Tay vịn: Ống inox

Bảng điều khiển: Inox vân tóc, hiển thị ma trận điểm LED

*Lưu ý: để lát sàn hoa văn lựa chọn kích thước*

*Cabin tối thiểu  $\geq 1200 \times 1200$*

*Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh*



## MODEL: AP 03S

### Thiết kế cabin

Vách: Inox vân tóc, inox gương

Cửa: Inox gương

Trần: Inox gương, inox vân tóc, nhựa, đèn LED

Sàn: Đá tự nhiên

Tay vịn: Ống inox

Bảng điều khiển: Inox vân tóc, hiển thị ma trận điểm LED

*Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh*

# MẪU CABIN



## MODEL: AP 04S

### Thiết kế cabin

**Vách:** Inox vân tóc, inox gương

**Cửa:** Inox gương

**Trần:** Inox gương, nhựa, đèn LED

**Sàn:** Đá tự nhiên

**Tay vịn:** Ống inox

**Bảng điều khiển:** Inox vân tóc, hiển thị ma trận điểm LED

*Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh*



## MODEL: AP 05S

### Thiết kế cabin

**Vách:** Inox vân tóc, inox gương

**Cửa:** Inox gương

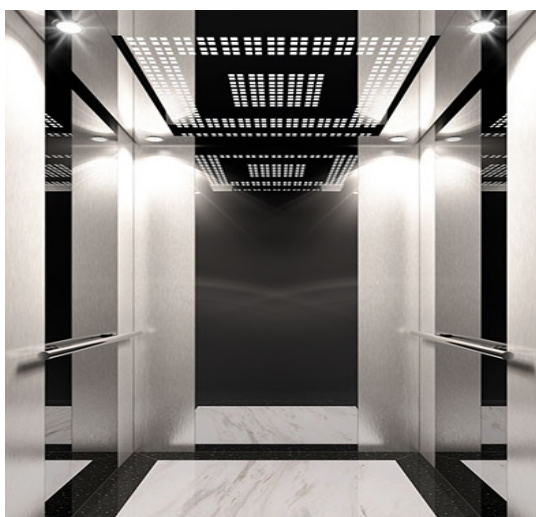
**Trần:** Inox gương, inox vân tóc, nhựa, đèn LED

**Sàn:** Đá tự nhiên

**Tay vịn:** Ống inox

**Bảng điều khiển:** Inox vân tóc, hiển thị ma trận điểm LED

*Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh*



## MODEL: AP 06S

### Thiết kế cabin

**Vách:** Inox vân tóc, inox gương

**Cửa:** Inox gương

**Trần:** Inox gương, nhựa, đèn LED

**Sàn:** Đá tự nhiên

**Tay vịn:** Ống inox

**Bảng điều khiển:** Inox vân tóc, hiển thị ma trận điểm LED

*Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh*

# MẪU CABIN



## MODEL: AP 07S

### Thiết kế cabin

Vách: Inox vân tóc, inox gương

Cửa: Inox gương

Trần: Inox gương, inox vân tóc, nhựa, đèn LED

Sàn: Đá tự nhiên

Tay vịn: Ống inox

Bảng điều khiển: Inox vân tóc, hiển thị ma trận điểm LED

*Lưu ý: để lát sàn hoa văn lựa chọn kích thước*

*Cabin tối thiểu  $\geq 1200 \times 1200$*

*Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh*



## MODEL: AP 08S

### Thiết kế cabin

Vách: Inox vân tóc, inox gương

Cửa: Inox gương

Trần: Inox gương, nhựa, đèn LED

Sàn: Đá tự nhiên

Tay vịn: Ống inox

Bảng điều khiển: Inox vân tóc, hiển thị ma trận điểm LED

*Lưu ý: để lát sàn hoa văn lựa chọn kích thước*

*Cabin tối thiểu  $\geq 1200 \times 1200$*

*Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh*



## MODEL: AP 09S

### Thiết kế cabin

Vách: Inox vân tóc, inox gương

Cửa: Inox gương

Trần: Inox gương, nhựa, đèn LED

Sàn: Đá tự nhiên

Tay vịn: Ống inox

Bảng điều khiển: Inox vân tóc, hiển thị ma trận điểm LED

*Lưu ý: để lát sàn hoa văn lựa chọn kích thước*

*Cabin tối thiểu  $\geq 1200 \times 1200$*

*Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh*

# MẪU CABIN



## MODEL: AP 010 Option

### Thiết kế cabin

**Vách:** Inox vân tóc, inox gương, inox chạm khắc

**Cửa:** Inox gương

**Trần:** Inox gương, nhựa, đèn LED

**Sàn:** Đá tự nhiên

**Tay vịn:** Ống inox

**Bảng điều khiển:** Inox vân tóc, hiển thị ma trận điểm LED

Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh



## MODEL: AP 011 Option

### Thiết kế cabin

**Vách:** Inox vân tóc, inox gương, inox chạm khắc

**Cửa:** Inox gương

**Trần:** Inox gương, nhựa, đèn LED

**Sàn:** Đá tự nhiên

**Tay vịn:** Ống inox

**Bảng điều khiển:** Inox vân tóc, hiển thị ma trận điểm LED

*Lưu ý: để lát sàn hoa văn lựa chọn kích thước*

*Cabin tối thiểu  $\geq 1200 \times 1200$*

Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh



## MODEL: AP 012 Option

### Thiết kế cabin

**Vách:** Inox vân tóc màu vàng, inox gương màu vàng, inox chạm khắc màu vàng

**Cửa:** Inox gương màu vàng

**Trần:** Inox gương màu vàng, nhựa, đèn LED

**Sàn:** Đá tự nhiên

**Tay vịn:** Ống inox màu vàng

**Bảng điều khiển:** Inox vân tóc màu vàng, hiển thị ma trận điểm LED

*Lưu ý: để lát sàn hoa văn lựa chọn kích thước*

*Cabin tối thiểu  $\geq 1200 \times 1200$*

Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh

# MẪU CABIN



## MODEL: AP 013 Option

### Thiết kế cabin

**Vách:** Inox vân tóc màu vàng, inox gương màu vàng  
inox chạm khắc màu vàng

**Cửa:** Inox gương màu vàng

**Trần:** Inox gương màu vàng, nhựa, đèn LED

**Sàn:** Đá tự nhiên

**Tay vịn:** Ống inox màu vàng

**Bảng điều khiển:** Inox vân tóc màu vàng,  
hiển thị ma trận điểm LED

*Lưu ý: để lát sàn hoa văn lựa chọn kích thước*

*Cabin tối thiểu  $\geq 1200 \times 1200$*

*Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh*



## MODEL: AP 014 Option

### Thiết kế cabin

**Vách:** Inox vân tóc màu vàng, inox gương màu vàng  
inox chạm khắc màu vàng

**Cửa:** Inox gương màu vàng

**Trần:** Inox gương màu vàng, nhựa, đèn LED

**Sàn:** Đá

**Tay vịn:** Ống inox màu vàng

**Bảng điều khiển:** Inox vân tóc màu vàng,  
hiển thị ma trận điểm LED

*Lưu ý: để lát sàn hoa văn lựa chọn kích thước*

*Cabin tối thiểu  $\geq 1200 \times 1200$*

*Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh*



## MODEL: AP 015 Option

### Thiết kế cabin

**Vách:** Inox vân tóc màu vàng, inox gương màu vàng  
inox chạm khắc màu vàng

**Cửa:** Inox gương màu vàng

**Trần:** Inox gương màu vàng, nhựa, đèn LED

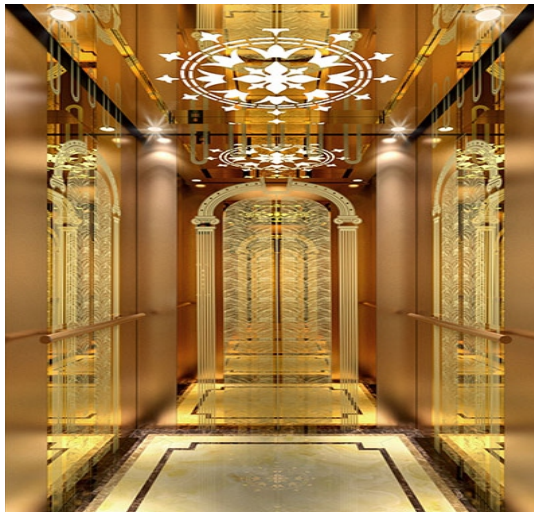
**Sàn:** Đá

**Tay vịn:** Ống inox màu vàng

**Bảng điều khiển:** Inox vân tóc màu vàng,  
hiển thị ma trận điểm LED

*Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh*

# MẪU CABIN



## MODEL: AP 016 Option

### Thiết kế cabin

**Vách:** Inox vân tóc màu đồng, inox chạm khắc màu đồng

**Cửa:** Inox gương màu vàng

**Trần:** Inox gương màu vàng, nhựa, đèn LED

**Sàn:** Đá

**Tay vịn:** Inox màu đồng

**Bảng điều khiển:** Inox vân tóc màu vàng, hiển thị ma trận điểm LED

*Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh*



## MODEL: AP 017 Option

### Thiết kế cabin

**Vách:** Inox vân tóc màu đồng, inox gương màu đồng

**Cửa:** Inox vân tóc màu đồng

**Trần:** Inox vân tóc màu đồng, nhựa, đèn LED

**Sàn:** Đá

**Tay vịn:** Ống inox màu vàng

**Bảng điều khiển:** Inox gương màu đồng, hiển thị ma trận điểm LED

*Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh*



## MODEL: AP 018 Option

### Thiết kế cabin

**Vách:** Inox vân tóc màu đồng, inox gương màu đồng, trang kính trang trí

**Cửa:** Inox vân tóc màu đồng

**Trần:** Inox gương màu đồng, nhựa, đèn LED

**Sàn:** Đá

**Tay vịn:** Ống inox màu đồng

**Bảng điều khiển:** Inox gương màu đồng, hiển thị ma trận điểm LED

*Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh*

# MẪU CABIN



## MODEL: AP 019 Option

### Thiết kế cabin

**Vách:** Inox vân tóc, inox gương trang kính trang trí, đèn LED

**Cửa:** Inox vân tóc

**Trần:** Inox vân tóc, đèn LED

**Sàn:** Kính cường lực trang trí

**Tay vịn:** Ống inox

**Bảng điều khiển:** Inox gương, hiển thị ma trận điểm LED

*Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh*



## MODEL: AP 020 Option

### Thiết kế cabin

**Vách:** Inox vân tóc, kính cường lực

**Cửa:** Inox vân tóc, kính cường lực

**Trần:** Inox vân tóc, inox gương, nhựa, đèn LED

**Sàn:** Đá

**Tay vịn:** Inox

**Bảng điều khiển:** Inox vân tóc, hiển thị ma trận điểm LED

*Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh*



## MODEL: AP 021 Option

### Thiết kế cabin

**Vách:** Inox vân tóc màu đồng, kính cường lực

**Cửa:** Inox vân tóc màu đồng, kính cường lực

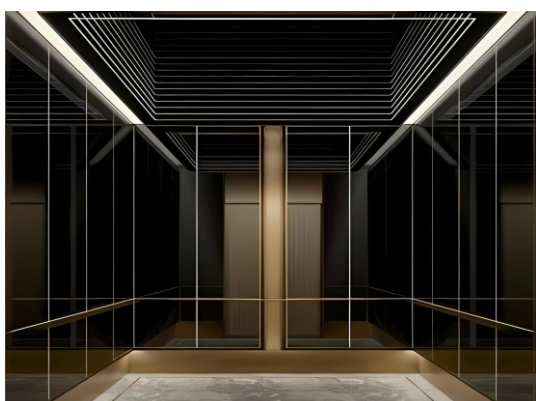
**Trần:** Inox vân tóc màu đồng, inox gương màu đồng, nhựa, đèn LED

**Sàn:** Đá

**Tay vịn:** Inox màu đồng

**Bảng điều khiển:** Inox vân tóc màu đồng, hiển thị LCD

*Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh*



## MODEL: AP 0121 Option

### Thiết kế cabin

**Vách:** Inox đen trắng gương vân vàng

**Cửa:** Inox đen trắng gương

**Trần:** Tấm gương đen có ma trận đèn LED trắng inox gương màu đồng, nhựa, đèn LED

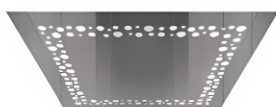
**Sàn:** Đá tự nhiên nhập khẩu

**Tay vịn:** Ống inox vàng bóng

**Bảng điều khiển:** Inox vàng nhám, hiển thị ma trận LED

*Màu sắc thực tế có thể hơi khác trong ảnh*

## MẪU TRẦN



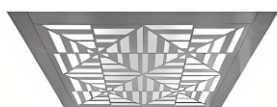
AP-47CL



AP-48CL



AP-49CL



AP-50CL



AP-51CL



AP-52CL



AP-17CL



AP-18CL



AP-19CL



AP-20CL



AP-21CL



AP-22CL



AP-23CL



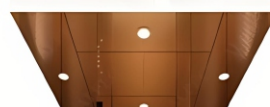
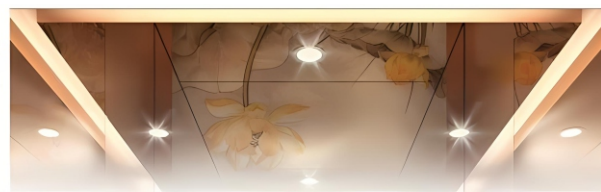
AP-24CL



AP-41CL



AP-42CL



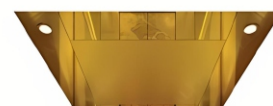
AP-43CL



AP-44CL



AP-45CL



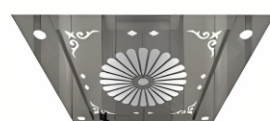
AP-46CL



AP-09CL



AP-10CL



AP-11CL



AP-12CL



AP-13CL



AP-14CL



AP-15CL



AP-16CL

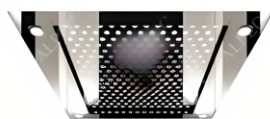
# MẪU TRẦN



AP-33CL



AP-34CL



AP-01CL



AP-02CL



AP-35CL



AP-36CL



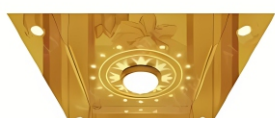
AP-03CL



AP-04CL



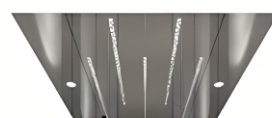
AP-37CL



AP-38CL



AP-05CL



AP-06CL



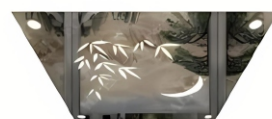
AP-39CL



AP-40CL



AP-07CL



AP-08CL



AP-25CL



AP-26CL



AP-27CL



AP-28CL



AP-29CL



AP-30CL



AP-31CL



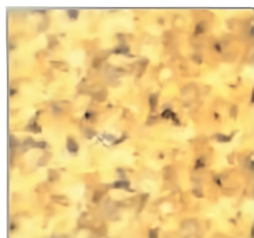
AP-32CL

# MẪU SÀN ĐÁ

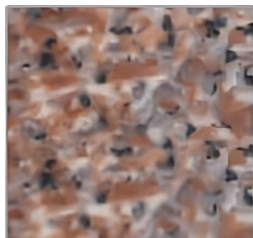
## SÀN ĐÁ CABIN GRANITE



Trắng Núi Le



Vàng Bình Định



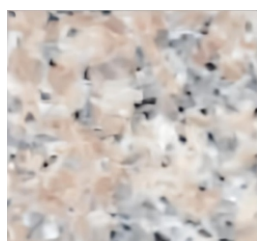
Hồng Gia Lai



Đỏ Bình Định



Trắng Bình Định



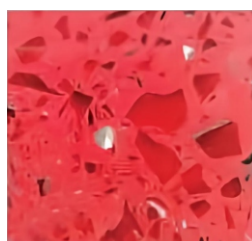
Nâu Khánh Hòa



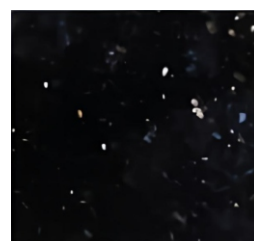
Vàng Ai Cập



Vàng Barbie



Đỏ Nhân Tạo



Đen Kim Sa

## SÀN ĐÁ CABIN GRANITE GHEP



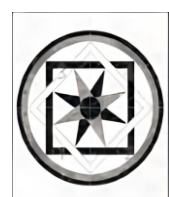
HTE-F21



HTE-F22



HTE-F23



HTE-F24



HTE-F25



HTE-F26



HTE-F27

# MẪU SÀN ĐÁ, TAY Vịn LỰA CHỌN

## SÀN ĐÁ LỰA CHỌN



FJA - LC01F



FJA - LC02F



FJA - LC03F



FJA - LC04F



FJA - LC05F



FJA - LC06F



FJA - LC07F



FJA - LC08F



FJA - LC09F



FJA - LC10F



FJA - LC11F



FJA - LC12F

## TAY Vịn LỰA CHỌN



FJA - 01TV



FJA - 02TV



FJA - 03TV



FJA - 04TV



FJA - 05TV



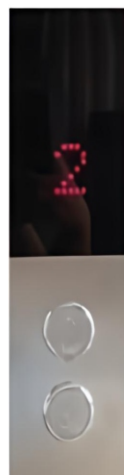
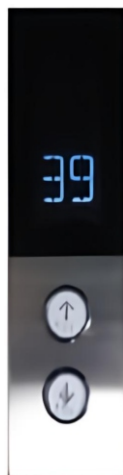
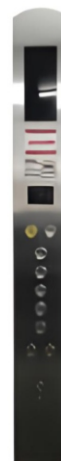
FJA - 06TV



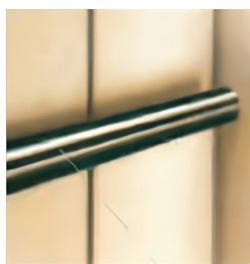
FJA - 07TV

# MẪU BẢNG GỌI TẦNG, TAY Vịn

## BẢNG GỌI TẦNG



## TAY Vịn



# MẪU BẢNG GỌI TẦNG

**BẢNG ĐIỀU KHIỂN  
TIÊU CHUẨN**

**BẢNG ĐIỀU KHIỂN  
LỰA CHỌN**



FJA - 01DK



FJA - 2DK



FJA - 03DK



FJA - LC01DK



FJA - LC02DK



FJA - LC03DK FJA - LC04DK



FJA - LC05DK



FJA - LC06DK

CÁC TÙY CHỌN MÀU SẮC



VÀNG



NÂU



ĐEN



FJA - LC10DK



FJA - LC09DK



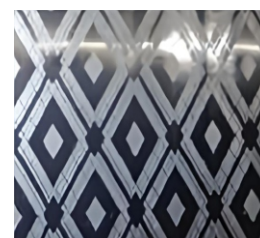
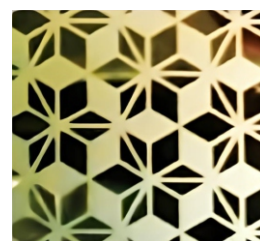
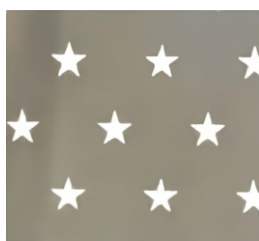
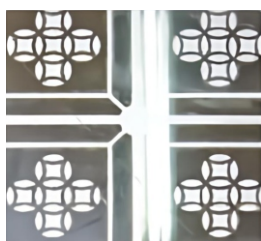
FJA - LC08DK



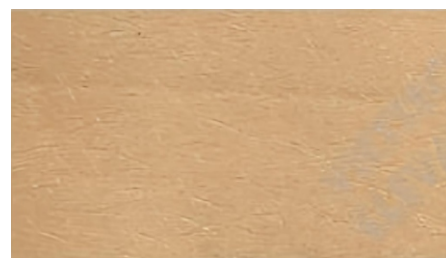
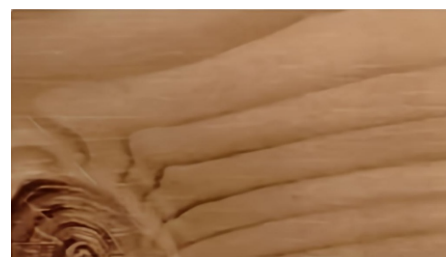
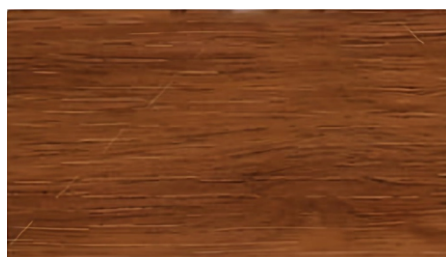
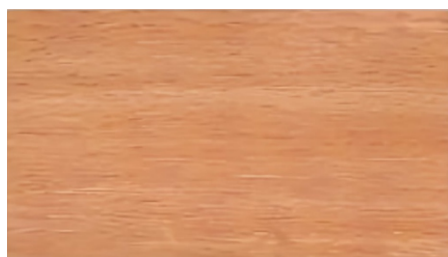
FJA - LC07DK

# MẪU VÁCH CABIN

## MẪU INOX HOA VĂN

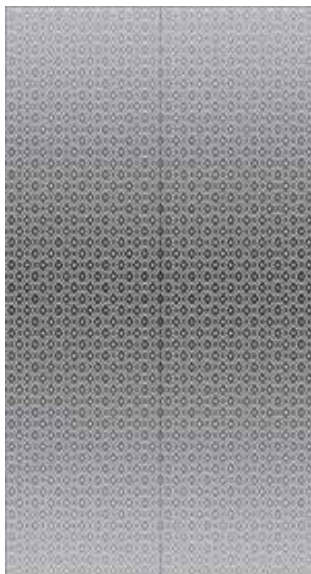


## MẪU GIẢ GỖ



## CÁC MẪU CỬA TẦNG

Inox khắc họa tiết



FJA - LC01D

Inox khắc họa tiết



FJA - LC02D

Inox khắc họa tiết



FJA - LC03D

Inox khắc họa tiết



FJA - LC04D

Inox khắc họa tiết



FJA - LC05D

Thép sơn tĩnh điện

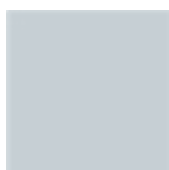


FJA - LC06D

### VẬT LIỆU



Inox vân tóc



Inox gương



Inox hoa văn  
quả trám



Inox hoa văn  
mạng nhện

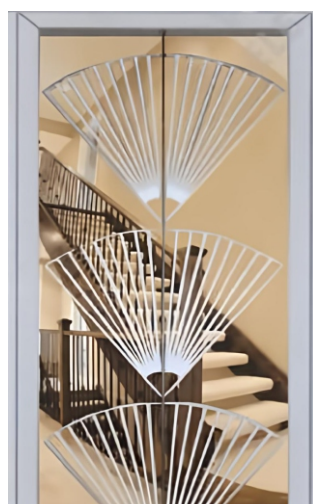
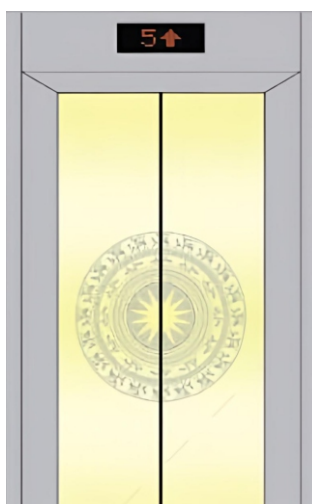
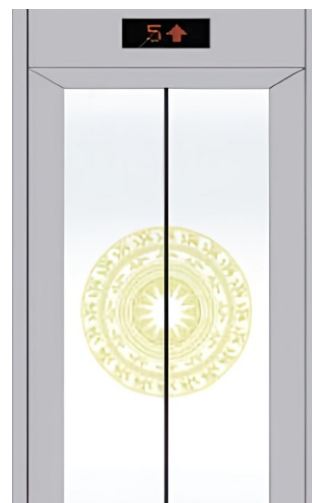


Inox hoa văn  
dẫu



Inox vàng

## CÁC MẪU CỬA HOA VĂN



## CÁC SẢN PHẨM



Khung bao bản rộng,  
cửa tầng inox gương vàng hoa văn



Khung bao bản rộng,  
cửa tầng inox gương vàng hoa văn



Khung bao bản hẹp,  
cửa tầng inox gương vàng hoa văn



Khung bao bản rộng,  
cửa tầng inox gương vàng hoa văn



Khung bao bản rộng,  
cửa tầng inox gương đồng hoa văn



Khung bao bản rộng,  
cửa tầng inox sọc nhuyến



Khung bao bản rộng,  
cửa tầng inox gương trắng hoa văn



Khung bao bản hẹp,  
cửa tầng inox gương trắng



Khung bao bản rộng, cửa tầng mở bản lẻ  
tự động kính cường lực bo viền inox sọc nhuyến

## CÁC MẪU CỬA KÍNH



Khung bao bản rộng, cửa tầng kính cường lực bo viền inox sọc nhuyễn



Khung bao bản hẹp, cửa tầng kính cường lực bo viền inox vàng



Khung bao bản rộng, cửa tầng kính cường lực bo viền inox gương đồng



Khung bao bản rộng, cửa tầng kính cường lực bo viền inox sọc vàng



Khung bao bản rộng, cửa tầng kính cường lực bo viền inox sọc vàng



Khung bao bản hẹp, cửa tầng kính cường lực bo viền inox gương trắng



Khung bao bản rộng, cửa tầng kính cường lực bo viền inox sọc nhuyễn



Khung bao bản rộng, cửa tầng kính cường lực bo viền inox sọc nhuyễn



Khung bao bản rộng, cửa tầng kính cường lực bo viền inox sọc nhuyễn

# THANG CUỐN - THANG LỒNG KÍNH



HN-LK04



HN-LK05



HN-LK06

## BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

### BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT THANG LỒNG KÍNH CÓ PHÒNG MÁY

| MÃ HIỆU | TẢI TRỌNG<br>Kg | NGƯỜI | TỐC ĐỘ<br>m/phút | KÍCH THƯỚC (mm) |               |                  |           |
|---------|-----------------|-------|------------------|-----------------|---------------|------------------|-----------|
|         |                 |       |                  | Cửa mở JJ x HH  | Cabin AA x BB | Hố thang AH x BH | OH/Pit    |
| P8      | 600             | 8     | 60               | 700 x 2100      | 1200 x 1000   | 1650 x 1600      | 4200/1500 |
|         |                 |       | 90               |                 |               |                  | 4400/1600 |
| P10     | 750             | 10    | 60               | 800 x 2100      | 1400 x 1350   | 1850 x 2000      | 4200/1500 |
|         |                 |       | 90               |                 |               |                  | 4400/1600 |
| P15     | 1000            | 15    | 60               | 800 x 2100      | 1400 x 1500   | 1850 x 2100      | 4200/1500 |
|         |                 |       | 90               |                 |               |                  | 4400/1600 |

### BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT THANG LỒNG KÍNH KHÔNG PHÒNG MÁY

| MÃ HIỆU | TẢI TRỌNG<br>Kg | NGƯỜI | TỐC ĐỘ<br>m/phút | KÍCH THƯỚC (mm) |               |                  |           |
|---------|-----------------|-------|------------------|-----------------|---------------|------------------|-----------|
|         |                 |       |                  | Cửa mở JJ x HH  | Cabin AA x BB | Hố thang AH x BH | OH/Pit    |
| P8      | 600             | 8     | 60               | 700 x 2100      | 1200 x 1000   | 2000 x 1800      | 4600/1500 |
|         |                 |       | 90               |                 |               |                  | 4800/1600 |
| P10     | 750             | 10    | 60               | 800 x 2100      | 1400 x 1350   | 2200 x 2000      | 4600/1500 |
|         |                 |       | 90               |                 |               |                  | 4800/1600 |
| P15     | 1000            | 15    | 60               | 800 x 2100      | 1400 x 1500   | 2200 x 2100      | 4600/1500 |
|         |                 |       | 90               |                 |               |                  | 4800/1600 |

## THANG MÁY QUAN SÁT

- Thang máy quan sát Alpha Invest với thiết kế hiện đại, sang trọng làm tăng giá trị công trình.
- Alpha Invest có các loại thang máy sau:
  - Thang máy quan sát dạng tròn kính.
  - Thang máy quan sát kính phẳng.
  - Thang máy quan sát dạng bán nguyệt.
  - Thang máy quan sát dạng lục giác.



Thang máy quan sát Alpha Invest có các tính năng an toàn như:

- Bộ giới hạn vận tốc.
- Hệ thống thắng cơ.
- Nút báo khẩn.
- Đèn chiếu sáng khẩn cấp.
- Khóa an toàn cửa thang máy lồng kính.
- Hệ thống đàm thoại giúp liên lạc giữa bên trong phòng thang và phòng trực bên ngoài.
- Bảo vệ quá tải.
- Bảo vệ mất và ngược phase, quá dòng, sụt áp

# THANG MÁY CHỞ HÀNG (CÓ PHÒNG MÁY)

## \*KÍCH THƯỚC TIÊU CHUẨN

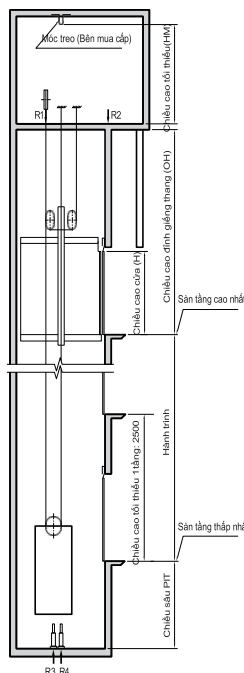
Cửa 4 và 6 cánh mở tâm

Cửa 2 và 3 cánh mở lệch

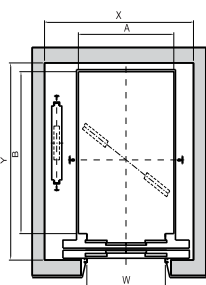
Mặt cắt đứng giếng thang

Mặt cắt ngang giếng thang

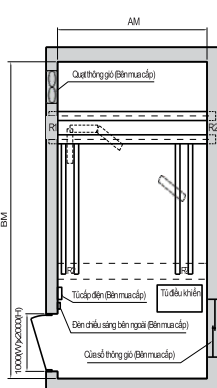
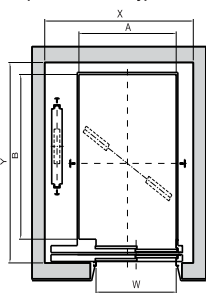
Mặt cắt ngang phòng máy



Loại cửa 2CO



Loại cửa 2S / Door type 2S



### Nội thất cabin

Vách cabin: Inox vân tóc, thanh gỗ bảo vệ

Cửa cabin: Inox vân tóc

Trần cabin: Thép sơn tĩnh điện

Sàn: Thép có gân chống trượt

Bảng điều khiển: Inox vân tóc, màn hình LCD điều khiển đa năng

| Loại                      | Tải trọng (Kg) | Tốc độ (m/phút) | Cửa (Rộng x Cao) | Kích thước Cabin | Vị trí đối trọng | Kích thước giếng thang tối thiểu |      |      | Kích thước phòng máy |      | Lực (kg) |       |       |       |
|---------------------------|----------------|-----------------|------------------|------------------|------------------|----------------------------------|------|------|----------------------|------|----------|-------|-------|-------|
|                           |                |                 |                  |                  |                  | (X x Y)                          | OH   | PIT  | AM x BM              | HM   | R1       | R2    | R3    | R4    |
| F1000 - 2S<br>F1000 - 2CO | 1000           | 30<br>45<br>60  | 1400x2100        | 1700x2300        | Bên / Side       | 2650x2800                        | 4400 | 1400 | 2600x4400            | 2200 | 7000     | 6000  | 8500  | 7500  |
| F1500 - 2S<br>F1500 - 2CO | 1500           | 30<br>45<br>60  | 1700x2100        | 2200x2400        | Bên / Side       | 3150x3000                        | 4400 | 1400 | 3100x4600            | 2200 | 9500     | 8000  | 12000 | 9500  |
| F2000 - 2S<br>F2000 - 2CO | 2000           | 30<br>45        | 1800x2100        | 2200x2800        | Bên / Side       | 3250x3400                        | 4400 | 1400 | 3200x5000            | 2200 | 13000    | 9000  | 15000 | 12000 |
| F2500 - 3S<br>F2500 - 3CO | 2500           | 30              | 2100x2100        | 2500x3000        | Bên / Side       | 3550x3700                        | 4800 | 1400 | 3500x5300            | 2200 | 16000    | 10500 | 19000 | 15000 |
| F3000 - 3S<br>F3000 - 3CO | 3000           | 30              | 2200x2100        | 2500x3400        | Bên / Side       | 3550x4100                        | 5000 | 1400 | 3500x5700            | 2200 | 19000    | 12500 | 23000 | 18000 |

### Ghi chú

2CO - cửa 4 cánh mở tâm

2S - cửa 2 cánh mở tâm

3CO - cửa 6 cánh mở tâm

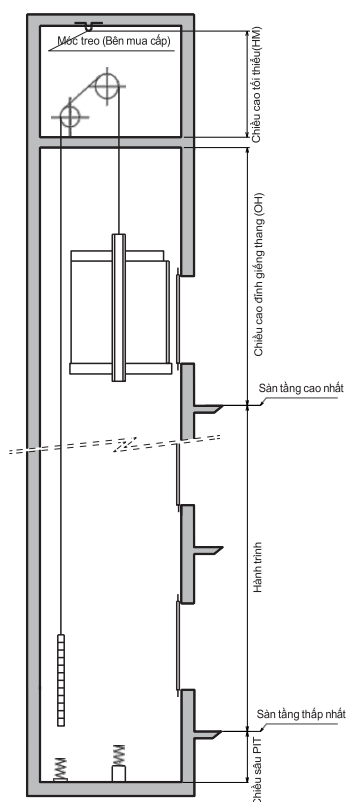
3S - cửa 3 cánh mở tâm

Nội dung của bảng này chỉ áp dụng cho các thông số kỹ thuật tiêu chuẩn. Các thang máy tải trọng và kích thước khác xin vui lòng tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn của Alpha Invest để biết thông số.

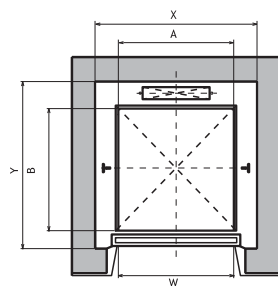
# THANG TẢI THỰC PHẨM

## \*KÍCH THƯỚC TIÊU CHUẨN

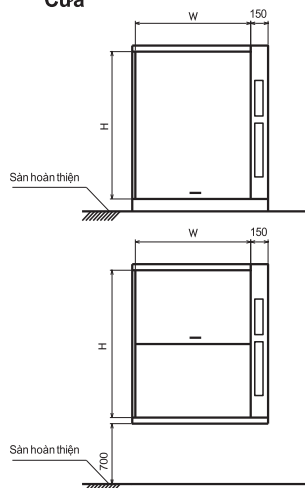
Mặt cắt đứng giếng thang



Mặt cắt ngang giếng thang



Cửa



### Nội thất cabin

Trần cabin: Inox vân tóc

Vách cabin: Inox vân tóc

Sàn: Inox vân tóc

| Loại    | Tải trọng | Tốc độ<br>(m/phút) | Cửa<br>(Rộng x Cao) | KT Cabin    | Vị trí đối trọng | Kích thước giếng thang tối thiểu |      |     | Kích thước phòng máy |
|---------|-----------|--------------------|---------------------|-------------|------------------|----------------------------------|------|-----|----------------------|
|         |           |                    |                     |             |                  | (X x Y)                          | OH   | PIT |                      |
| D100-UD | 100       | 10-15              | 800 x 1000          | 800 x 600   | Sau              | 1200 x 1000                      | 1800 | 700 | 1200 x 1000 x 1200   |
| D150-UD | 150       |                    | 800 x 1000          | 800 x 800   | Sau              | 1200 x 1200                      | 1800 | 700 | 1200 x 1200 x 1200   |
| D200-1U | 200       |                    | 1000 x 1200         | 1000 x 800  | Sau              | 1400 x 1200                      | 2700 | 500 | 1400 x 1200 x 1200   |
| D250-1U | 250       |                    | 1000 x 1200         | 1000 x 1000 | Sau              | 1400 x 1400                      | 2700 | 500 | 1400 x 1400 x 1200   |
| D300-1U | 300       |                    | 1000 x 1200         | 1000 x 1200 | Sau              | 1400 x 1600                      | 2700 | 500 | 1400 x 1600 x 1200   |

### Ghi chú

Loại cửa:

1U - 1 cánh mở lên

UD - 1 cánh mở lên, 1 cánh mở xuống

Nội dung của bảng này chỉ áp dụng cho các thông số kỹ thuật tiêu chuẩn.

Các thang máy tải trọng và kích thước khác xin vui lòng tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn của Alpha Invest để biết thông số.

# THANG CUỐN

## THANG CUỐN FES

Thế hệ thang cuốn FES mới vẫn kế thừa các tiêu chuẩn an toàn, mức độ tin cậy hiệu quả cao của các thang cuốn trước đây đồng thời cập nhật thị hiếu của thị trường để đưa ra giải pháp thiết kế phù hợp, đáp ứng nhu cầu và yêu cầu của khách hàng. Thang cuốn được sử dụng rộng rãi cho các công trình như: Trung tâm thương mại, khách sạn, khối văn phòng...

## THANG CUỐN FEH

Thiết kế lan can đặc thù chống chịu được thời tiết, đáp ứng được các yêu cầu đặc biệt của khách hàng. Thang cuốn FEH phù hợp cho các công trình như: Sân bay, tàu điện ngầm, cầu vượt...

| Loại           | FES                                                        | FEH                                                        |
|----------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| Góc nghiêng    | 30° / 35°                                                  | 30° / 35°                                                  |
| Chiều rộng bậc | 600/800/1000                                               | 600/800/1000                                               |
| Bậc chạy ngang | 800/1200                                                   | 800/1200/1600                                              |
| Tốc độ         | 0.5                                                        | 0.5/0.65                                                   |
| Nguồn điện     | AC 3 phase.5 wire 50Hz/60Hz<br>AC 3 pha + N + E, 50Hz/60Hz | AC 3 phase.5 wire 50Hz/60Hz<br>AC 3 pha + N + E, 50Hz/60Hz |
| Vị trí lắp     | Trong nhà/Ngoài trời                                       | Trong nhà/Ngoài trời                                       |
| Chiều cao      | 2~7.5                                                      | 2~12.5                                                     |

| Mã hiệu           | FES                                                                           |                              | FEH                                                                           |                              |
|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
|                   | Tiêu chuẩn                                                                    | Lựa chọn                     | Tiêu chuẩn                                                                    | Lựa chọn                     |
| Trang trí lan can | Kính cường lực an toàn (10mm), đứng                                           | Thép không gỉ đứng / nghiêng | Kính cường lực an toàn (10mm), đứng                                           | Thép không gỉ đứng / nghiêng |
| Thân lan can      | Thép không gỉ vân tóc                                                         |                              | Thép không gỉ vân tóc                                                         |                              |
| Tay vịn           | Màu đen                                                                       | Other colors<br>Màu khác     | Màu đen                                                                       | Màu khác                     |
| Sàn               | Thép không gỉ vân tóc                                                         |                              | Thép không gỉ vân tóc                                                         |                              |
| Tấm chân thang    | Thép không gỉ vân tóc                                                         |                              | Thép không gỉ vân tóc                                                         |                              |
| Bậc               | Thép không gỉ / Hợp kim nhôm, sơn màu xám bạc, hoặc màu đen                   |                              | Thép không gỉ / Nhôm đúc, sơn màu xám bạc, màu đen / Cao su màu vàng          |                              |
| Chiều nghỉ        | Thép không gỉ có gân chống trượt / Nhôm                                       |                              | Thép không gỉ có gân chống trượt / Nhôm có gân chống trượt                    |                              |
| Hộp điều khiển    | Công tắc dùng chìa khóa điều khiển chạy lên/xuống và nút dừng khẩn cấp màu đỏ | Đèn báo chiều lưu thông      | Công tắc dùng chìa khóa điều khiển chạy lên/xuống và nút dừng khẩn cấp màu đỏ | Đèn báo chiều lưu thông      |

# THANG MÁY BỆNH VIỆN (Có Phòng Máy)

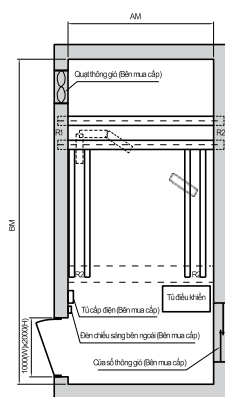
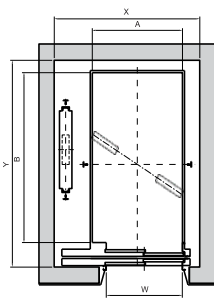
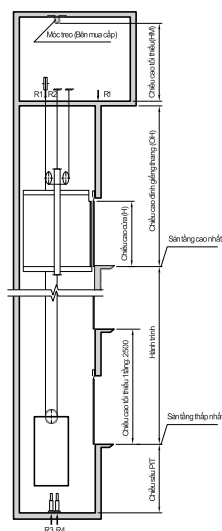
## \*KÍCH THƯỚC TIÊU CHUẨN

Cửa 2 cánh mở lệch

Mặt cắt đứng giếng thang

Mặt cắt ngang giếng thang

Mặt cắt ngang phòng máy



### Nội thất cabin

Vách cabin: Inox vân tóc, thanh gỗ bảo vệ

Cửa cabin: Inox vân tóc

Trần cabin: Inox vân tóc, Inox gương, nhựa

Sàn: Đá marble

Bảng điều khiển: Inox vân tóc, màn hình LCD điều khiển đa năng

| Loại       | Tải trọng (Kg) | Tốc độ (m/phút) | Cửa (Rộng x Cao) | KT Cabin  | Vị trí đối trọng | Kích thước giếng thang tối thiểu |      |      | Kích thước phòng máy |      | Lực / (kg) |      |       |       |
|------------|----------------|-----------------|------------------|-----------|------------------|----------------------------------|------|------|----------------------|------|------------|------|-------|-------|
|            |                |                 |                  |           |                  | (X x Y)                          | OH   | PIT  | AM x BM              | HM   | R1         | R2   | R3    | R4    |
| B1000 - 2S | 1000           | 60              | 1000x2100        | 1200x2100 | Bên              | 2000x2600                        | 4100 | 1400 | 2000x4200            | 2200 | 5850       | 3400 | 10500 | 6500  |
|            |                | 90              |                  |           |                  |                                  | 4300 | 1500 |                      |      |            |      |       |       |
|            |                | 105             |                  |           |                  |                                  | 4500 | 1600 |                      |      |            |      |       |       |
| B1150 - 2S | 1150           | 60              | 1100x2100        | 1250x2200 | Bên              | 2100x2700                        | 4200 | 1400 | 2100x4300            | 2200 | 8000       | 4250 | 12500 | 9000  |
|            |                | 90              |                  |           |                  |                                  | 4400 | 1500 |                      |      |            |      |       |       |
|            |                | 105             |                  |           |                  |                                  | 4600 | 1600 |                      |      |            |      |       |       |
| B1350 - 2S | 1350           | 60              | 1100x2100        | 1300x2300 | Bên              | 2150x2800                        | 4200 | 1400 | 2150x4400            | 2200 | 9500       | 5500 | 15000 | 11500 |
|            |                | 90              |                  |           |                  |                                  | 4400 | 1500 |                      |      |            |      |       |       |
|            |                | 105             |                  |           |                  |                                  | 4600 | 1600 |                      |      |            |      |       |       |
| B1600 - 2S | 1600           | 60              | 1200x2100        | 1500x2300 | Bên              | 2350x2800                        | 4200 | 1400 | 2350x4400            | 2200 | 12500      | 7500 | 18500 | 14500 |
|            |                | 90              |                  |           |                  |                                  | 4400 | 1500 |                      |      |            |      |       |       |
|            |                | 105             |                  |           |                  |                                  | 4600 | 1600 |                      |      |            |      |       |       |

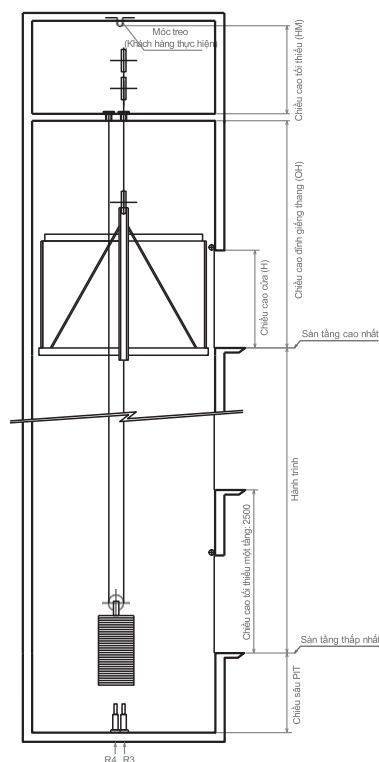
### Ghi chú

Nội dung của bảng này chỉ áp dụng cho các thông số kỹ thuật tiêu chuẩn. Các thang máy tải trọng và kích thước khác xin vui lòng tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn của Alpha Invest để biết thông số.

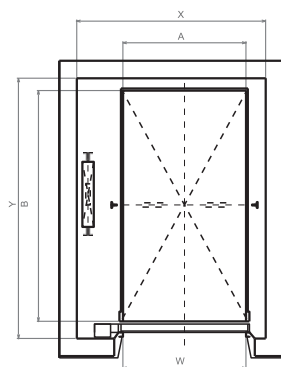
# THANG MÁY CHỖ Ô TÔ (CÓ PHÒNG MÁY)

## \*KÍCH THƯỚC TIÊU CHUẨN

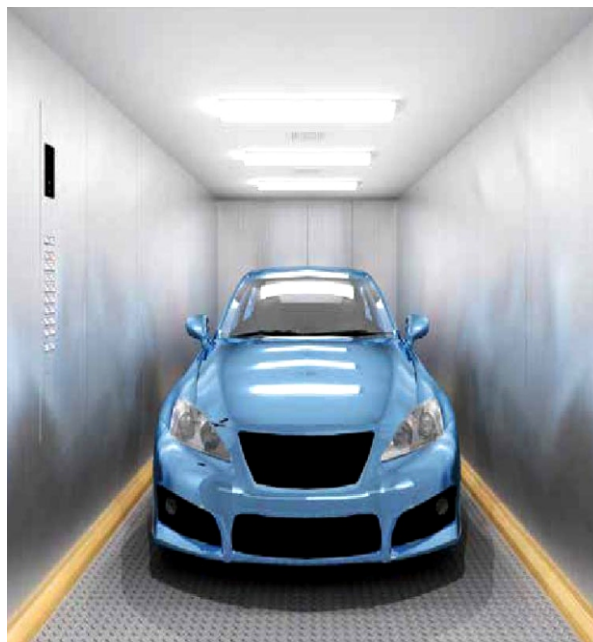
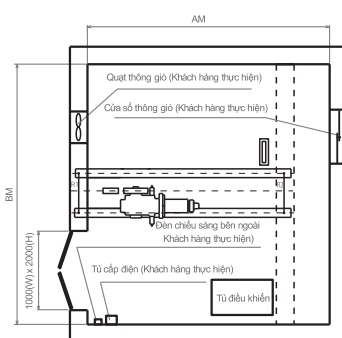
Mặt cắt đứng giếng thang



Mặt cắt ngang giếng thang



Mặt cắt ngang phòng máy



### Nội thất cabin

Vách cabin: Inox vân tóc, thanh gỗ bảo vệ

Cửa cabin: Inox vân tóc

Trần cabin: Thép sơn tĩnh điện

Sàn: Thép có gân chống trượt

Bảng điều khiển: Inox vân tóc, màn hình LCD điều khiển đa năng

| Loại     | Tải trọng (kg) | Tốc độ (m/min) | Cửa (W x H) | KT cabin (A x B) | Giếng thang |      |      | KT phòng máy (AM x BM x HM) | Lực (kg) |      |      |      |
|----------|----------------|----------------|-------------|------------------|-------------|------|------|-----------------------------|----------|------|------|------|
|          |                |                |             |                  | (X x Y)     | OH   | PIT  |                             | R1       | R2   | R3   | R4   |
| C2000-RD | 2000           | 30             | 2400 x 2100 | 2400 x 5200      | 3600 x 6000 | 4600 | 1500 | 5000 x 6000 x 2500          | 5000     | 5000 | 7000 | 6000 |
| C2500-RD | 2500           | 30             | 2800 x 2100 | 2800 x 6000      | 4000 x 6800 | 4600 | 1500 | 5500 x 6800 x 2500          | 7000     | 6000 | 8500 | 7500 |

### Ghi chú

Nội dung của bảng này chỉ áp dụng cho các thông số kỹ thuật tiêu chuẩn.

Các thang máy tải trọng và kích thước khác xin vui lòng tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn của Alpha Invest để biết thông số.

## TỦ ĐIỀU KHIỂN NHẬP KHẨU



TỦ ĐIỆN FUJI HÀN QUỐC

TỦ ĐIỆN NIPPON MALAYSIA



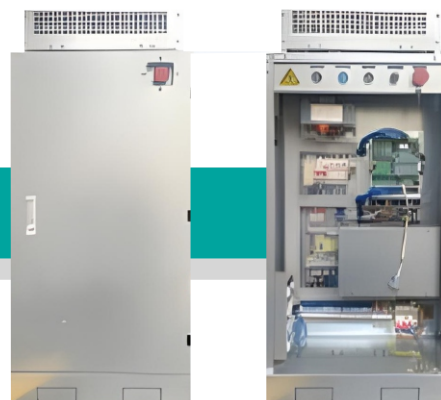
TỦ ĐIỆN FUJI THÁI LAN

## TỦ ĐIỀU KHIỂN NHẬP KHẨU



TỦ ĐIỆN FUJI HÀN QUỐC

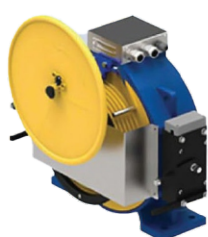
TỦ ĐIỆN NIPPON MALAYSIA



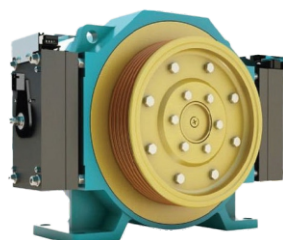
TỦ ĐIỆN ARKEL THỔ NHĨ KỲ

## ĐỘNG CƠ NHẬP KHẨU

- **ĐỘNG CƠ MONATARI - Ý**



- **ĐỘNG CƠ FUJI - HÀN QUỐC**

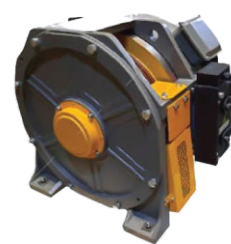


- **ĐỘNG CƠ ZIEHL ABEGG - ĐỨC**



## ĐỘNG CƠ NHẬP KHẨU

### • ĐỘNG CƠ FUJI - MALAYSIA



### • ĐỘNG CƠ TORIN - TRUNG QUỐC



### • ĐỘNG CƠ WURTEMBERG - Ý



# CHỨC NĂNG THANG MÁY

## • CHỨC NĂNG TIÊU CHUẨN

| CHỨC NĂNG                                    | MÔ TẢ                                                                                                                                                                                                       |
|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Báo khi quá tải                              | Khi thang quá tải, chuông reo liên tục và thang sẽ đứng yên tại chỗ, mở cửa để hành khách ra bớt cho đến đúng tải sẽ hoạt động bình thường trở lại                                                          |
| Bảo vệ cửa                                   | Mành tia hồng ngoại suốt chiều cao cửa bảo vệ hành khách và hàng hóa tránh bị va đập khi ra vào thang                                                                                                       |
| Bộ khống chế vượt tốc                        | Trong trường hợp thang vượt quá tốc độ cài đặt, thì bộ khống chế tốc độ sẽ hoạt động đồng thời với phanh của thang để hãm lại, thang sẽ dừng lại                                                            |
| Mở lại cửa tầng                              | Nếu khách hàng bấm nút gọi thang tại tầng thang đang dừng và đang trong quá trình đóng cửa thì cửa sẽ mở trở lại                                                                                            |
| Cửa mở đúng vùng cửa                         | Thang máy chỉ mở khi đúng vùng mở cửa                                                                                                                                                                       |
| Bảo vệ không chạy quá hành trình             | Các công tắc hành trình được gắn để đảm bảo thang không thể chạy vượt quá hành trình                                                                                                                        |
| Bảo vệ khi mất pha, ngược pha, chập pha      | Trong trường hợp nguồn điện mất pha hoặc ngược pha, hay điện áp quá chập pha thấp nguồn điện sẽ tự động cắt nhằm bảo vệ thiết bị                                                                            |
| Đèn & điện thoại cấp cứu                     | Trong trường hợp nguồn điện bị mất, đèn cứu hộ trong cabin sẽ bật sáng và hành khách có thể sử dụng "điện thoại - intercom" để liên lạc với nhân viên trực bên ngoài                                        |
| Đóng/mở cửa nhanh                            | Hành khách có thể nhấn nút đóng hoặc mở cửa nhanh khi thang đang dừng tại tầng                                                                                                                              |
| Chức năng lựa chọn và tổ hợp chiều hoạt động | Thang sẽ trả lời cuộc gọi mà nó có thể đáp ứng nhanh nhất, ưu tiên sẽ dành cho cuộc gọi theo chiều thang di chuyển, các cuộc gọi trong cabin và bên ngoài sẽ cũng được đáp ứng theo thứ tự và chiều ưu tiên |
| Đóng/mở cửa tự động                          | Có thể cài đặt thời gian đóng mở cửa tự động cho thang                                                                                                                                                      |
| Tiết kiệm điện                               | Thang sẽ tự động tắt quạt và đèn nếu thời gian nghỉ hoạt động quá 5 phút và sẽ hoạt động trở lại khi có lệnh gọi                                                                                            |
| Hiển thị vị trí                              | Trên bảng điều khiển trong cabin và ở mỗi tầng khách hàng sẽ biết được vị trí của thang và chiều thang đang hoạt động                                                                                       |
| Chuông báo dừng tầng                         | Khi thang đến tầng chuông điện (điện tử) sẽ báo để hành khách biết đã đến tầng                                                                                                                              |
| Cứu hộ tự động khi mất điện nguồn            | Khi mất điện nguồn, bộ cứu hộ tự động sẽ hoạt động, lấy nguồn điện từ ắc quy dự phòng cung cấp cho thang máy, đưa cabin đến tầng gần nhất và mở cửa để khách ra ngoài                                       |

# CHỨC NĂNG THANG MÁY

## • CHỨC NĂNG LỰA CHỌN

| CHỨC NĂNG                              | MÔ TẢ                                                                                                                                                                                                                  |
|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hoạt động trong trường hợp hỏa hoạn    | Hệ thống điều khiển nhận được tín hiệu báo cháy, thang tự động được đưa về tầng gần nhất, cửa sẽ mở cho khách ra ngoài và thang ngừng hoạt động                                                                        |
| Hoạt động trong trường hợp hỏa hoạn II | Khi công tắc cứu hỏa được bật thang sẽ huỷ các lệnh và chạy về tầng phục vụ cho mục đích cấp cứu và chữa cháy, lúc này thang chỉ hoạt động theo lệnh trong cabin với điều kiện nguồn điện cho thang còn duy trì        |
| Hoạt động khi có động đất              | Khi có động đất hệ thống báo động của toà nhà sẽ chuyển tín hiệu cho tủ điều khiển và thang máy sẽ dừng ở tầng gần nhất và mở cửa cho khách thoát ra ngoài                                                             |
| Tự động cân bằng tầng                  | Những nhà cao tầng khi hành khách ra vào thang có thể gây dịch chuyển cabin, hệ thống sẽ tự động cân bằng cabin lại với tầng với tốc độ chậm.                                                                          |
| Phục vụ tầng VIP                       | Bật công tắc VIP tại tầng chỉ định thì thang sẽ huỷ các lệnh thang và đi đến tầng VIP, lúc này thang chỉ hoạt động theo lệnh trong cabin của VIP, khi VIP ra khỏi thang máy thì thang sẽ hoạt động bình thường trở lại |
| Kết nối phần mềm giám sát              | Phần mềm giám sát giúp kiểm soát được tình trạng thang : vị trí cabin, chiều hoạt động, mã lỗi. . .                                                                                                                    |
| Hoạt động trong giờ cao điểm           | Trong giờ cao điểm thang sẽ tập trung hoạt động phục vụ tại sảnh chính (đầu giờ ) hoặc tầng trên cùng (cuối giờ ). Ngoài giờ cao điểm thang sẽ hoạt động bình thường                                                   |
| Sử dụng thẻ IC Card                    | Kiểm soát điều khiển trong cabin và gọi tầng bằng IC card                                                                                                                                                              |
| Báo bằng giọng nói                     | Thông báo tầng dừng, chiều hoạt động và một số thông tin khách bằng giọng nói                                                                                                                                          |
| Bỏ qua lệnh khi đủ tải                 | Khi thang hoạt động đủ tải các lệnh gọi thang kế tiếp bên ngoài sẽ không được thực hiện ngay                                                                                                                           |
| Huỷ bỏ lệnh sai                        | Nếu khách nhấn nút sai cần huỷ lệnh đó chỉ cần nhấn đúp nút đó                                                                                                                                                         |
| Huỷ bỏ lệnh theo chiều ngược lại       | Khi cabin trả lời hết các lệnh gọi theo chiều đang hoạt động thì các lệnh trong cabin theo chiều ngược lại sẽ bị huỷ                                                                                                   |
| Tự động trở về tầng chính              | Sau một thời gian nhất định (cài đặt) nếu không có lệnh gọi nào thang sẽ tự động trở về tầng chính cho dù thang có ở bất kỳ tầng nào                                                                                   |
| Lưu giữ lỗi, mã lỗi                    | Bộ lưu giữ lỗi trên 20 lỗi: lỗi thời gian, số tầng, mã lỗi                                                                                                                                                             |
| Tự lưu dữ liệu cài đặt                 | Tự lưu giữ dữ liệu là một phần quá trình cài đặt, các dữ liệu của giếng thang đã được cài đặt: vị trí tầng, công tắc giảm tốc độ, công tắc hành trình...sẽ được lưu giữ trong bộ nhớ                                   |
| Mã khoá nút gọi tầng                   | Sau khi cài đặt chỉ hành khách nào bấm nút đúng mã mới đến được tầng có mã đã cài đặt                                                                                                                                  |
| Bảng điều khiển cho người tàn tật      | Bảng điều khiển trong cabin dành cho người tàn tật                                                                                                                                                                     |
| Điều khiển độc lập cửa trước, cửa sau  | Trường hợp cabin có cửa mở thông, cửa sau có thể lắp bảng điều khiển riêng                                                                                                                                             |
| Mở cửa trước                           | Mở cửa trước khi thang dừng hẳn nhằm tăng hiệu quả chạy thang                                                                                                                                                          |
| Đèn báo thang đến                      | Trước khi thang đến tầng, đèn báo thang đến tại cửa tầng báo để hành khách biết trước thang sẽ dừng tầng và chiều thang đang hoạt động                                                                                 |
| Điều khiển đôi                         | Phân chia lệnh gọi một cách hiệu quả nhất cho nhóm thang để đảm bảo thang nào có vị trí gần nhất sẽ đến phục vụ mà vẫn có thể sử dụng bảng gọi tầng chung hoặc riêng                                                   |
| Điều khiển nhóm                        | Tủ điều khiển nhóm thang hoạt động có thể lên tới nhóm 8 thang hoạt động theo nguyên tắc “thời gian chờ ngắn nhất khi tủ này có sự cố thì vẫn đảm bảo các thanh hoạt động đơn lẻ                                       |
| Hoạt động dự phòng                     | Các thang trong nhóm sẽ quay về chế độ hoạt động điều khiển đơn nếu thông tin giữa tủ điều khiển các nhóm với tủ điều khiển mỗi thang bị gián đoạn hoặc tủ điều khiển nhóm bị mất điện                                 |
| Hoạt động liên tục                     | Khi một thang nhóm gặp trục trặc, hệ thống sẽ cắt điều khiển thang này ra và hình thành nên điều khiển nhóm mới cho các thang còn lại                                                                                  |

# CÔNG TY TNHH VIỆT NAM ALPHA INVEST



📍 Trụ sở: 103 Định Công Thượng, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Cơ sở 2: 342 đường Quang Trung, P. Dữu Lâu, TP. Việt Trì, T. Phú Thọ

Cơ sở 3: 39 Lương Ngọc Quyến, P. Trần Quang Khải, TP. Nam Định, T. Nam Định

☎ 0945 471 096 - 0327 922 258

✉ [alphainvest.duan@gmail.com](mailto:alphainvest.duan@gmail.com)